TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **10**/2021/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 24 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 08 tháng 12 năm 2021 và yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của các bên tham gia hòa giải.

XÉT THẤY

Các bên tham gia hòa giải có đủ năng lực hành vi dân sự; các bên là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận và nội dung thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, các bên không có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên:

- Người khởi kiện: Anh **Trần Văn Ch**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp 12, xã Phong Thạnh Đông, thị xã G, tỉnh B.

- Người bị kiện: Chị **Hồ Thị Ngọc H**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp 12, xã Phong Thạnh Đông, thị xã G, tỉnh B.

2. Những nội dung hòa giải thành được công nhận cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn Ch và chị Hồ Thị Ngọc H thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Thuện Ph, sinh ngày 02/12/2019 cho chị Hồ Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hiện cháu Phát đang sống chung với chị H.

- Anh Trần Văn Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) từ tháng 01/2022 đến khi cháu Phát đủ 18 tuổi.

- Anh Trần Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Anh Trần Văn Ch và chị Hồ Thị Ngọc H thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4. Về nợ chung: Anh Trần Văn Ch và chị Hồ Thị Ngọc H thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khỏan 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4/. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Các đương sự có quyền đề nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã G;
- THADS thị xã G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Duy Khánh